

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành, áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng
theo Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số: 36/TTr-KT ngày 12/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và áp dụng tài liệu hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (có danh sách cụ thể kèm theo) vào các hoạt động quản lý và giải quyết thủ tục hành chính kể từ ngày 16/8/2022.

Điều 2. Các phòng chuyên môn có trách nhiệm tiếp cận, nghiên cứu các thủ tục, quy trình đã được xây dựng trong Hệ thống quản lý chất lượng và triển khai phổ biến, tuân thủ chặt chẽ tài liệu đã được phê duyệt.

Điều 3. Ban chỉ đạo ISO thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở và kiểm soát công tác triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng tại các phòng chuyên môn.



Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 11/9/2021 của UBND quận Hà Đông.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận, Thủ trưởng các phòng chuyên môn thuộc quận, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội (để b/c);
- Lưu: VT.

2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cán Thị Việt Hà

VB

DANH SÁCH

Các lĩnh vực hoạt động của UBND quận Hà Đông được xây dựng quy trình theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4070 /QĐ-UBND ngày 13 /8/2022 của UBND quận Hà Đông)

STT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Ghi chú
I. THỦ TỤC THEO YÊU CẦU TIÊU CHUẨN				
1.	Chính sách chất lượng	C_SCL	01	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	02	
3.	Bản mô tả hệ thống quản lý chất lượng	BMT	02	
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	QT-01	02	
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	01	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	01	
7.	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-04	01	
8.	Quy trình tổ chức hành động khắc phục	QT-05	01	
9.	Quy trình xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-06	01	
II. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính				
1. Phòng Kinh tế				
10.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-11/KT	02	
11.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-12/KT	02	
12.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-13/KT	02	
13.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-05/KT	02	
14.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT-06/KT	02	
15.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT-07/KT	02	
16.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-02/KT	01	
17.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-03/KT	01	

18.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-04/KT	01	
19.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-14/KT	01	
20.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ PLG chai	QT-15/KT	01	
21.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-16/KT	01	
22.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	QT-17/KT	02	
23.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	QT-18/KT	02	
24.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	QT-19/KT	02	
25.	Hỗ trợ dự án liên kết	QT-21/KT	01	
26.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT-22/KT	01	
27.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT-25/KT	01	
28.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT-26/KT	01	
29.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT-23/KT	01	
30.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT-24/KT	01	
2. Phòng Giáo dục và Đào tạo				
31.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-18/GD	03	
32.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-19/GD	03	
33.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-20/GD	03	

34.	Sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-21/GD	03	
35.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	QT-22/GD	03	
36.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-10/GD	03	
37.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-11/GD	03	
38.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-12/GD	03	
39.	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học	QT-13/GD	03	
40.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	QT-14/GD	03	
41.	Thành lập trường THCS công lập hoặc cho phép thành lập trường THCS tư thục	QT-01/GD	03	
42.	Cho phép trường THCS hoạt động giáo dục	QT-02/GD	03	
43.	Cho phép trường THCS hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GD	03	
44.	Sáp nhập, chia tách trường THCS	QT-04/GD	03	
45.	Giải thể trường THCS (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-05/GD	03	
46.	Chuyển trường đối với học sinh THCS	QT-25/GD	03	
47.	Tiếp nhận học sinh THCS Việt Nam về nước	QT-32/GD	01	
48.	Tiếp nhận học sinh THCS người nước ngoài	QT-33/GD	01	
49.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-15/GD	03	
50.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-16/GD	03	
51.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-23/GD	03	
52.	Quy trình đánh giá, xếp loại cộng đồng học tập cấp xã	QT-24/GD	02	
53.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-07/GD	01	
54.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trường trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-06/GD	02	
55.	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở	QT-34/GD	01	

56.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc quận, huyện, thị xã, thành phố quản lý	QT-35/GD	01	
3. Phòng Tài chính - Kế hoạch				
57.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-01/HKD	03	
58.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	QT-02/HKD	03	
59.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT-03/HKD	03	
60.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-04/HKD	03	
61.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hộ kinh doanh	QT-05/HKD	03	
62.	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT-01/HTX	01	
63.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	QT-02/HTX	01	
64.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-03/HTX	01	
65.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-04/HTX	01	
66.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT-05/HTX	01	
67.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT-06/HTX	01	
68.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT-07/HTX	01	
69.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT-08/HTX	01	
70.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT-09/HTX	01	
71.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT-10/HTX	01	
72.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký HTX	QT-11/HTX	01	
73.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX	QT-12/HTX	01	
74.	Tạm ngừng hoạt động của HTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	QT-13/HTX	01	
75.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	QT-14/HTX	01	
76.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT-15/HTX	01	
77.	Thay đổi cơ quan đăng ký HTX	QT-16/HTX	01	
78.	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi UBND cấp huyện	QT-01/ĐKG	01	

79.	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện	QT-01/KKG	01	
80.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-02/TSC	01	
81.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản	QT-03/TSC	01	
82.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	QT-04/TSC	01	
83.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	QT-05/TSC	01	
84.	Quyết định điều chuyển tài sản công	QT-06/TSC	01	
85.	Quyết định bán tài sản công	QT-07/TSC	01	
86.	Quyết định bán tài sản cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	QT-08/TSC	01	
87.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	QT-09/TSC	01	
88.	Quyết định thanh lý tài sản công	QT-10/TSC	01	
89.	Quyết định tiêu hủy tài sản công	QT-11/TSC	01	
90.	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại	QT-12/TSC	01	
91.	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	QT-03/TC	01	
92.	Mua quyền hóa đơn	QT-02/TC	01	
93.	Mua hóa đơn lẻ	QT-01/TC	01	
4. Phòng Lao động - TB&XH				
94.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-01/LĐ-NCC	01	
95.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-02/LĐ-NCC	01	
96.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT-03/LĐ-NCC	01	

97.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-04/LĐ-NCC	01	
98.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia.	QT-05/LĐ-NCC	01	
99.	Cấp "Bằng Tổ quốc ghi công" đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23, Pháp lệnh Ưu đãi Người có công đang sống tại gia đình	QT-06/LĐ-NCC	01	
100	Cấp lại "Bằng Tổ quốc ghi công"	QT-07/LĐ-NCC	01	
101	Cấp "Bằng Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QT-08/LĐ-NCC	01	
102	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quản lý	QT-09/LĐ-NCC	01	
103	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-10/LĐ-NCC	01	
104	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT-11/LĐ-NCC	01	
105	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT-12/LĐ-NCC	01	
106	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-13/LĐ-NCC	01	
107	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị, phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình	QT-14/LĐ-NCC	01	
108	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Thành phố quản lý	QT-15/LĐ-NCC	01	
109	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-16/LĐ-NCC	01	
110	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-17/LĐ-NCC	01	
111	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT-18/LĐ-NCC	01	
112	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-19/LĐ-NCC	01	
113	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-20/LĐ-NCC	01	
114	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-21/LĐ-NCC	01	

115	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (Trợ cấp một lần/trợ cấp mai táng/trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng)	QT-22/LĐ-NCC	01	
116	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-23/LĐ-NCC	01	
117	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại NTLs đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-24/LĐ-NCC	01	
118	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài NTLs về an táng tại NTLs theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-25/LĐ-NCC	01	
119	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-26/LĐ-NCC	01	
120	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp	QT-27/LĐ-NCC	01	
121	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-28/LĐ-NCC	01	
122	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-01/LĐ-BTXH	01	
123	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-02/LĐ-BTXH	01	
124	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT-03/LĐ-BTXH	01	
125	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-04/LĐ-BTXH	01	
126	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-05/LĐ-BTXH	01	
127	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-06/LĐ-BTXH	01	
128	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-07/LĐ-BTXH	01	
129	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Thành phố	QT-08/LĐ-BTXH	01	
130	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc TW	QT-09/LĐ-BTXH	01	
131	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-10/LĐ-BTXH	01	

132	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động, TB&XH	QT-11/LĐ-BTXH	01	
133	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của phòng Lao động, TB&XH	QT-12/LĐ-BTXH	01	
134	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do phòng Lao động, TB&XH cấp	QT-13/LĐ-BTXH	01	
135	Xét cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật	QT-14/LĐ-BTXH	01	
136	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập đối với người khuyết tật có HKTT trên địa bàn huyện, đang học tập tại các cơ sở giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp trong phạm vi cả nước	QT-15/LĐ-BTXH	01	
137	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT-01/LĐ-TE	01	
138	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT-02/LĐ-TE	01	
139	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-03/LĐ-TE	01	
140	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-01/LĐ-TNXH	01	
141	Hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp hoặc cao đẳng; hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động bị thu hồi đất	QT-01/LĐ-LĐTL	01	
142	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền.	QT-02/LĐ-LĐTL	01	
143	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	QT-01/LĐ-GDNN	01	
144	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	QT-02/LĐ-GDNN	01	
145	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	QT-03/LĐ-GDNN	01	
146	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT-04/LĐ-GDNN	01	
5. Phòng Nội vụ				
147	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	QT-01/TG	01	

148	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-02/TG	01	
149	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-03/NV	01	
150	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-04/NV	01	
151	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-05/NV	01	
152	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-06/NV	01	
153	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-07/NV	01	
154	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-08/TG	01	
155	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT- 01/TĐKT	02	
156	Tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến	QT- 02/TĐKT	02	
157	Tặng danh hiệu CSTĐ cơ sở	QT- 03/TĐKT	02	
158	Tặng danh hiệu lao động tiên tiến	QT- 04/TĐKT	02	
159	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích theo đợt, chuyên đề	QT- 05/TĐKT	02	
160	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	QT- 06/TĐKT	02	
161	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT- 07/TĐKT	02	
162	Tặng Giấy khen của Chủ tịch cấp huyện cho gia đình	QT- 08/TĐKT	02	
163	Công nhận Ban vận động thành lập hội cấp huyện	QT- 01/CTH	02	
164	Thành lập hội cấp huyện	QT- 02/CTH	02	
165	Phê duyệt điều lệ hội cấp huyện	QT- 03/CTH	02	
166	Chia, tách sáp nhập; hợp nhất hội	QT- 04/CTH	02	
167	Đổi tên hội cấp huyện	QT-05/CTH	02	

168	Hội tự giải thể	QT- 06/CTH	02	
169	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường cấp huyện	QT- 07/CTH	02	
170	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT-24/NV	01	
171	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-25/NV	01	
172	Thẩm định việc giải thể lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-26/NV	01	
173	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT-27/NV	01	
174	Thẩm định thành lập lại tổ chức hành chính	QT-28/NV	01	
175	Thẩm định giải thể lại tổ chức hành chính	QT-29/NV	01	
176	Thi tuyển viên chức	QT-42/TTVC	01	
177	Xét tuyển viên chức	QT-43/XTVC	01	
178	Tiếp nhận vào làm viên chức	QT-44/TNVC	01	
6. Phòng Quản lý đô thị				
179	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trọng đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-01/QLĐT	02	
180	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trọng đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-02/QLĐT	02	
181	Cấp giấy di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trọng đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-03/QLĐT	02	
182	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trọng đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-04/QLĐT	02	

183	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trọng đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-05/QLĐT	02	
184	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trọng đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-06/QLĐT	02	
185	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	QT-07/QLĐT	02	
186	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	QT-08/QLĐT	02	
187	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT-09/QLĐT	01	
188	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-11/QLĐT	01	
189	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-12/QLĐT	01	
190	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-13/QLĐT	01	
191	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-14/QLĐT	01	
192	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-15/QLĐT	01	
193	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-16/QLĐT	01	
194	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-17/QLĐT	01	
195	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-18/QLĐT	01	
196	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-19/QLĐT	01	
197	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh	QT-20/QLĐT	01	

198	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh	QT-21/QLĐT	01	
199	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-22/QLĐT	01	
7. Thanh tra				
200	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT- 01/TTr	02	
201	Giải quyết khiếu nại lần 2 tại cấp huyện	QT- 02/TTr	02	
202	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT- 03/TTr	02	
203	Tiếp công dân tại cấp huyện	QT- 01/TCD	03	
204	Xử lý đơn tại cấp huyện	QT- 02/BTD	03	
205	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QT- 04/TTr	01	
206	Thủ tục tiếp nhận giải trình	QT- 05/TTr	01	
207	Thủ tục thực hiện nghĩa vụ giải trình	QT- 06/TTr	01	
8. Phòng Tư pháp				
208	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT- 01/HT	02	
209	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT- 02/HT	02	
210	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT- 03/HT	02	
211	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT- 04/HT	02	
212	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT- 05/HT	02	
213	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT- 06/HT	02	
214	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT- 07/HT	02	
215	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT- 08/HT	02	
216	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT- 09/HT	02	
217	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT- 10/HT	02	
218	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT- 11/HT	02	
219	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT- 12/HT	02	
220	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT- 13/HT	02	

221	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT- 14/HT	02	
222	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT- 15/HT	02	
223	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT- 16/HT	02	
224	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT- 17/CT	03	
225	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT- 18/CT	03	
226	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT- 19/CT	03	
227	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho các trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT- 20/CT	03	
228	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT- 21/CT	03	
229	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT- 22/CT	03	
230	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT- 23/CT	03	
231	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của phòng Tư pháp	QT- 24/CT	03	
232	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT- 25/CT	03	
233	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT- 26/CT	03	
234	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT- 27/CT	03	
235	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT- 28/CT	03	
236	Phục hồi danh dự	QT- 31/BTNN	01	
237	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT- 32/BTNN	01	
238	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi việc Nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT- 34/TP	01	
239	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.	QT- 33/BTNN	01	
9. Phòng Tài nguyên nước và Môi trường				

240	Thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT- 07/TNMT	01	
241	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở cho hộ gia đình, cá nhân	QT-05/TNMT	01	
242	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT-10/TNMT	01	
243	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT-11/TNMT	01	
244	Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ	QT-04/TNMT	02	
245	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT-02/TNMT	02	
246	Lấy ý kiến UBND cấp xã đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT-03/TNMT	02	
247	Cấp giấy phép môi trường	QT-12/TNMT	01	
248	Cấp đổi giấy phép môi trường	QT-13/TNMT	01	
249	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	QT-14/TNMT	01	
250	Cấp lại giấy phép môi trường	QT-15/TNMT	01	
251	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở kinh doanh xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền (dưới 20 tấn)	QT- 08/TNMT	01	
10. Phòng Văn hóa và Thông tin				
252	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan QLNN về văn hóa cấp huyện cấp)	QT- 01/VH TT	04	
253	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan QLNN về văn hóa cấp huyện cấp)	QT- 23/VH TT	04	
254	Công nhận lần đầu "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa"	QT- 02/VHCS	03	
255	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT- 05/VHCS	03	
256	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT- 06/VHCS	03	
257	Công nhận lần đầu "Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	QT- 03/VHCS	03	
258	Công nhận lại "Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	QT- 04/VHCS	03	
259	Đăng ký tổ chức lễ hội	QT- 07/VHCS	03	

260	Thông báo tổ chức lễ hội	QT- 08/VHCS	02	
261	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT- 01/TV	02	
262	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT- 02/TV	02	
263	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT- 03/TV	01	
264	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền UBND cấp huyện)	QT- 01/GĐ	03	
265	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền UBND cấp huyện)	QT- 02/GĐ	03	
266	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền UBND cấp huyện)	QT- 03/GĐ	03	
267	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền UBND cấp huyện)	QT- 04/GĐ	03	
268	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền UBND cấp huyện)	QT- 05/GĐ	03	
269	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền UBND cấp huyện)	QT- 06/GĐ	03	
270	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT- 18/VH TT	02	
271	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT- 19/VH TT	02	
272	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT- 20/VH TT	02	
273	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT- 21/VH TT	02	

274	Cấp phép xây dựng công trình cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn thành phố Hà Nội	QT- 22/VHTT	02	
11. Phòng Y tế				
275	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp huyện cấp	QT-01/YT	02	

